

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi Nghị quyết 81/2023/QH15 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 1679/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ninh năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 2488/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 116/BC-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với một số nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, ranh giới quy hoạch: Toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Quảng

Ninh gồm có 54 đơn vị hành chính cấp xã (gồm: 22 xã, 30 phường và 02 đặc khu); bao gồm phần diện tích tự nhiên trên đất liền và phần diện tích biển. Phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Nam giáp thành phố Hải Phòng, phía Đông giáp biển, phía Tây giáp các tỉnh: Bắc Ninh, Lạng Sơn.

2. Quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển, các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá

2.1. Quan điểm phát triển

a) Bám sát và cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước, chiến lược phát triển, quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng để xác định định hướng chiến lược đối với Quảng Ninh phù hợp với điều kiện mới về vị thế, vai trò, lợi thế của tỉnh đặt trong bối cảnh phát triển mới.

b) Phát triển kinh tế theo hướng nhanh và bền vững, gia tăng hiệu quả, giá trị tổng thể. Nâng cao chất lượng tăng trưởng dựa trên tăng năng suất các nhân tố tổng hợp, chất lượng sản phẩm, sức cạnh tranh và giá trị gia tăng; chuyển đổi và gia tăng hàm lượng công nghệ đối với các động lực tăng trưởng truyền thống; tiên phong về khoa học và công nghệ để hình thành nhanh các động lực tăng trưởng mới. Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn; hệ sinh thái tự nhiên, cảnh quan được tôn tạo, bảo tồn và phát huy giá trị. Phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ xã hội, bảo đảm người dân đều được hưởng thành quả trong quá trình phát triển, xây dựng xã hội hài hòa.

c) Hoàn thiện nhanh chóng các điều kiện nền tảng để thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, xây dựng cơ chế chính sách đột phá, hình thành hạ tầng chiến lược, hạ tầng kết nối liên vùng, quốc tế; huy động, phân bổ và dẫn dắt nguồn lực hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; cải thiện năng lực đổi mới sáng tạo, đẩy nhanh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; cấu trúc lại không gian phát triển các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, phát huy vai trò các khu vực động lực, tạo lan tỏa, định hình chức năng phát triển theo hướng tổng thể, xây dựng hệ sinh thái hoàn chỉnh trên địa bàn toàn tỉnh.

d) Tổ chức không gian phát triển theo hướng tích hợp, liên kết, đồng bộ, hiện đại và hiệu quả; phát huy mối liên kết biển - đảo - biên giới - di sản - đô thị thành một hệ sinh thái phát triển thống nhất. Chuyển từ phát triển theo địa giới hành chính sang phát triển theo không gian chức năng, hình thành các cực tăng trưởng, hành lang động lực, các khu vực phát triển theo mô hình đa cực, đa trung tâm, đa chức năng; xây dựng các hệ sinh thái đô thị - công nghiệp - dịch vụ, đô thị - di sản - du lịch, đô thị - kinh tế biển hiện đại có tính lan tỏa cao trong tỉnh và thúc đẩy liên kết vùng.

e) Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh, đa mục

tiêu, có tính kết nối cao. Ưu tiên phát triển hạ tầng chiến lược, hạ tầng số, hạ tầng đô thị thông minh, giao thông - logistics, năng lượng, hạ tầng công nghiệp công nghệ cao và hạ tầng phục vụ các ngành kinh tế mũi nhọn; thúc đẩy tích hợp hạ tầng dựa trên nền tảng số và ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế. Tăng cường kết nối hạ tầng liên tỉnh, liên vùng và quốc tế, đặc biệt với thành phố Hải Phòng, các địa phương vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng trung du và miền núi phía Bắc và khu vực Quảng Tây (Trung Quốc).

g) Phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội; giữ vững chủ quyền biên giới, biển đảo và mở rộng đối ngoại, hội nhập quốc tế. Không gian phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh; tăng cường tính lưỡng dụng của hệ thống hạ tầng và các khu vực phát triển chiến lược; chủ động xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững chắc, đặc biệt tại khu vực biên giới, biển đảo và Vịnh Bắc Bộ. Phát triển Quảng Ninh trở thành điểm đến, hình mẫu trong hội nhập quốc tế, trung tâm kết nối giao thương, logistics và hợp tác đầu tư quốc tế của khu vực phía Bắc.

h) Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm và bền vững các nguồn tài nguyên; bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển lâm nghiệp bền vững, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh và tài chính xanh. Tăng cường kiểm soát ô nhiễm, phục hồi hệ sinh thái, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; hiện đại hóa hệ thống giám sát tài nguyên và môi trường; chuyển đổi mô hình khai thác tài nguyên khoáng sản theo hướng thông minh, khai thác - chế biến sâu bằng công nghệ sạch, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải mỏ, sử dụng hiệu quả quỹ đất sau khai thác gắn với phục hồi môi trường và phát triển không gian kinh tế mới theo hướng bền vững.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2050

Quảng Ninh là thành phố gắn với các giá trị di sản mang tầm quốc tế; trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của cả nước và khu vực ASEAN, là vùng đô thị lớn phát triển ngang tầm khu vực và quốc tế; khẳng định vai trò một trong những đầu tàu kinh tế quan trọng của quốc gia; đi đầu và là hình mẫu về quản trị phát triển đô thị hiện đại, thông minh, bền vững, giàu bản sắc, chủ động bảo vệ tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tầm nhìn đến năm 2075, Quảng Ninh trở thành thành phố mang thương hiệu di sản toàn cầu; phát triển mô hình đô thị biển - biên giới xanh, văn minh hiện đại, giàu bản sắc, ngang tầm với các đô thị biển thuộc các nước phát triển hàng đầu trên thế giới; là điểm đến có giá trị thương hiệu cao, cung cấp dịch vụ chất lượng và trải nghiệm khác biệt, đẳng cấp.

Tầm nhìn 100 năm, Quảng Ninh là thành phố biển - di sản toàn cầu, đô thị thông minh - sáng tạo, giàu bản sắc, là điểm đến tiêu biểu trên thế giới.

2.3. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát:

Phát triển Quảng Ninh là đô thị loại I, thành phố văn minh, hiện đại; đời sống nhân dân được nâng lên và phát triển toàn diện về mọi mặt, bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa khu vực đô thị và nông thôn, giữa các trung tâm và vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khẳng định vai trò cực tăng trưởng bền vững của vùng Đông bằng sông Hồng và vùng động lực phía Bắc; là trung tâm phát triển năng động, tiên phong hàng đầu trong các ngành kinh tế mới với mô hình quản trị hiện đại; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia, trung tâm kinh tế đô thị gắn với các giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa thế giới; là cửa ngõ kết nối quốc tế của cả nước, của khu vực ASEAN với Trung Quốc. Xây dựng không gian đô thị phát triển theo hướng xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, hệ thống đô thị tích hợp đa cực, đa trung tâm, đa tầng, đa hướng, đa lớp, đa chức năng, bảo đảm kết nối chặt chẽ với khu vực nông thôn; là khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể:

- Về kinh tế:

+ Phân đầu tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt khoảng 12%/năm giai đoạn 2026 - 2030. GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt khoảng 20.000 USD/người;

+ Tỷ trọng trong GRDP của khu vực dịch vụ đạt khoảng 40-43%; công nghiệp - xây dựng khoảng 45-48% (trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 18% GRDP); nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt khoảng 2-5% GRDP; thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm khoảng 7-10% GRDP. Kinh tế số đạt khoảng 30% GRDP;

+ Phân đầu thành lập mới đạt 2.000 doanh nghiệp/năm. Đóng góp của kinh tế tư nhân trong GRDP khoảng 40-45%;

+ Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt bình quân 12%/năm;

+ Đóng góp bình quân của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng giai đoạn 2021 - 2030 đạt trên 55%;

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 75%.

- Về xã hội:

+ Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt trên 90%, trong đó tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 48%;

+ Tỷ lệ thất nghiệp dưới 2%;

+ Diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt khoảng 36m² sàn/người;

- + Đạt 68 giường bệnh/1 vạn dân (gồm 65 giường bệnh tại các cơ sở y tế công lập/1 vạn dân và 3 giường bệnh tại các cơ sở y tế tư nhân/1 vạn dân);
- + Đạt tỷ lệ 20 bác sĩ/1 vạn dân; 8 dược sĩ đại học/1 vạn dân; 33 điều dưỡng/1 vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%;
- + Chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh thuộc nhóm 5 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước; tuổi thọ trung bình của người dân trên 76 tuổi;
- + Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt trên 95%;
- + Toàn tỉnh không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia;
- + Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 100%, trong đó có 03 xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới hiện đại.
- *Về quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường:*
 - + Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt trên 99%; tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt trên 85%;
 - + Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt đô thị và các xã đảo, các xã có hoạt động du lịch, dịch vụ bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt trên 99% và tại các khu vực nông thôn đạt 90%; tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải tại các khu đô thị tập trung đạt 100%;
 - + Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn xả thải ra môi trường đạt 100%;
 - + Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 50%.
- *Về phát triển kết cấu hạ tầng:*
 - + Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải đa phương thức kết nối liên vùng và quốc tế, trong đó chú trọng phát huy thế mạnh về giao thông thủy nội địa.
 - + Phát triển mạnh hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, tập trung phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (5G và thế hệ tiếp theo) trên phạm vi toàn tỉnh;
 - + Phát triển hạ tầng năng lượng đồng bộ, hiện đại, chú trọng phát triển nguồn năng lượng tái tạo, hạ tầng truyền tải, dự trữ, hoàn thiện hiện đại hóa hệ thống lưới điện và xây dựng lưới điện thông minh, đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh và góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.
 - + Phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi được xây dựng đồng bộ đảm bảo an ninh nguồn nước và chủ động kiểm soát lũ, ứng phó với lũ cực đoan, phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông.
 - + Hiện đại hóa hệ thống quản lý, sản xuất và kinh doanh nước sạch.
- *Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại:*

+ Về quốc phòng: Phấn đấu 100% xã, phường, đặc khu đáp ứng yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, nâng cao năng lực huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

+ Về an ninh: Giữ vững an ninh quốc gia, không để bị động, bất ngờ; bảo vệ Đảng, chính quyền và nhân dân; đảm bảo an ninh mạng, an ninh dữ liệu trong kỷ nguyên số; giảm mạnh tỷ lệ tội phạm, tệ nạn xã hội; đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm.

+ Về đối ngoại: Đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế theo hướng chủ động, hiệu quả; phấn đấu 100% hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch quốc tế quy mô lớn được triển khai theo các hiệp định đã được ký kết.

2.4. Các nhiệm vụ trọng tâm

a) Xây dựng mô hình quản trị hiện đại, tổ chức bộ máy chính quyền đáp ứng nhiệm vụ và yêu cầu trong giai đoạn mới. Cơ cấu lại, nâng cao chất lượng và bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; triển khai đồng bộ các giải pháp đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng, giữ chân nhân tài.

b) Duy trì đà tăng trưởng kinh tế cao, ổn định trong dài hạn; lấy đột phá về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là động lực chính để phát triển và tạo bứt phá mạnh mẽ về năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng thích ứng, chống chịu và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tăng cường liên kết vùng và nội vùng phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, kinh tế đô thị, xây dựng xã hội số. Cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mới nổi, công nghiệp chế biến, chế tạo xanh, sạch, công nghệ cao, năng lượng tái tạo và năng lượng mới. Phát triển đột phá các ngành kinh tế biển, hình thành cụm kinh tế biển đa ngành. Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông dân văn minh, nông thôn hiện đại. Tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.

c) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đa phương thức, nhất là hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cảng biển. Phát triển hạ tầng năng lượng đồng bộ, hiện đại, tuân thủ quy hoạch ngành quốc gia, trong đó chú trọng phát triển nguồn năng lượng tái tạo, hạ tầng truyền tải, dự trữ, hoàn thiện, hiện đại hóa hệ thống lưới điện và xây dựng lưới điện thông minh. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tăng quy mô và nâng cao chất lượng dân số. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo đột phá trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công khai, minh bạch, ổn định, xây dựng

chính quyền liên chính, kiến tạo, hành động, phục vụ Nhân dân và doanh nghiệp. Phát triển mạnh kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế địa phương, kết hợp hài hòa với các thành phần kinh tế khác.

d) Phát triển nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh, coi văn hóa và con người là nguồn lực nội sinh, động lực quan trọng của tăng trưởng bền vững. Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, di sản thiên nhiên và nghệ thuật truyền thống; phát triển đồng bộ thiết chế văn hóa, thể thao; thúc đẩy công nghiệp văn hóa, kinh tế di sản, kinh tế ban đêm, kinh tế đô thị và kinh tế thể thao. Xây dựng Quảng Ninh trở thành trung tâm văn hóa, nghệ thuật, sự kiện, du lịch di sản cấp vùng, có sức hấp dẫn trong khu vực châu Á và quốc tế. Định hướng hình thành cụm/khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa, hệ sinh thái nghệ thuật biểu diễn, bảo tàng số, cơ sở dữ liệu số văn hóa - di sản; ưu tiên hoàn thiện các quy hoạch, hồ sơ tu bổ, xếp hạng, ghi danh di sản và công nhận bảo vật quốc gia.

đ) Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ quyền quốc gia; xây dựng biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác, phát triển; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, hiệu quả các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tăng cường liên kết vùng một cách thực chất, hiệu quả; chủ động, tích cực tham gia các hành lang kinh tế.

2.5. Các đột phá

a) *Về hạ tầng*: Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng hiện đại, kết nối liên tỉnh, liên vùng. Tập trung phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng bao gồm hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, hạ tầng logistics, kết nối đường sắt tốc độ cao, phát triển và tích hợp đa phương thức. Ưu tiên hạ tầng giao thông kết nối nhanh, khối lượng lớn giữa các trung tâm chức năng. Thực hiện đồng bộ tích hợp hạ tầng số, hạ tầng thông minh, cơ sở dữ liệu trên toàn tỉnh. Phối hợp đẩy nhanh tiến độ xây dựng đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh; phát triển hạ tầng kinh tế tại Đặc khu Vân Đồn, cửa khẩu thông minh tại khu hợp tác kinh tế qua biên giới Móng Cái (Việt Nam) - Đông Hưng (Trung Quốc).

b) *Về nhân lực*: Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo nhân lực đối với các ngành kinh tế mới. Tăng cường hạ tầng đào tạo nhân lực chất lượng cao ưu tiên nhân lực công nghệ, nhân lực quản trị trong các ngành trụ cột. Xây dựng chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài gắn với tiêu chuẩn năng lực, đạo đức nghề nghiệp và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

c) *Về thể chế*: Đi đầu trong triển khai các mô hình phát triển các khu chức năng, các chính sách khuyến khích tạo động lực phát triển cho các ngành kinh tế trụ cột. Ưu tiên nguồn lực, chính sách để phát triển khoa học và công nghệ, đổi

mới sáng tạo và chuyển đổi số, thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế số, kinh tế biển, các mô hình chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng. Xây dựng các chính sách tiên phong để huy động các nguồn lực phát triển công nghiệp văn hóa, kinh tế di sản, kinh tế ban đêm, kinh tế đô thị gắn với phát triển kinh tế tư nhân.

3. Phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội; phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh

3.1. Phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội

Tổ chức không gian phát triển theo mô hình chuỗi đô thị đa cực, đa trung tâm, đa tầng, đa lớp; phát triển tích hợp không gian biển, đảo, biên giới, đô thị di sản, sinh thái và kinh tế số thành hệ sinh thái phát triển tổng thể, hiện đại xanh và bền vững và theo cấu trúc “03 hành lang phát triển - 04 vùng kinh tế - xã hội - 05 trung tâm động lực phát triển” và các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn, khu vực hạn chế phát triển, gắn với hệ thống đô thị, khu kinh tế, hành lang kinh tế, hạ tầng chiến lược và các không gian phát triển mới của tỉnh.

a) Ba hành lang phát triển: Hành lang đô thị ven biển, hành lang biên đảo, hành lang sinh thái đồi núi.

b) Bốn vùng kinh tế - xã hội: Vùng phía Tây, vùng phía Đông, vùng biển đảo, vùng đồi núi phía Bắc.

c) Năm trung tâm động lực phát triển: Đô thị trung tâm Hạ Long, đặc khu Vân Đồn, khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, khu kinh tế ven biển Quảng Yên, khu di sản văn hóa thế giới Yên Tử.

3.2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực

Phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh theo hướng hiện đại, xanh, thông minh, có giá trị gia tăng cao, gắn với mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế biển, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn; bảo đảm phù hợp với tổ chức không gian phát triển của tỉnh, phát huy tối đa lợi thế về vị trí địa kinh tế, biển, đảo, cửa khẩu, di sản, hệ thống cảng biển, sân bay và kết cấu hạ tầng chiến lược. Tổ chức không gian phát triển ngành theo cụm ngành, chuỗi giá trị, hành lang kinh tế và các cực tăng trưởng; tăng cường liên kết nội tỉnh, liên kết vùng và liên kết quốc tế.

4. Phương hướng phát triển đô thị và nông thôn

a) Phương hướng quy hoạch hệ thống đô thị: Phát triển hệ thống đô thị tỉnh Quảng Ninh trở thành thành phố, đô thị biển - di sản - cửa ngõ kết nối quốc tế; xây dựng mạng lưới đô thị hiện đại, thông minh, xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển đa cực, đa trung tâm, đa tầng, đa lớp; bảo đảm liên kết chặt chẽ giữa đô thị với nông thôn, giữa phát triển kinh tế với bảo tồn di sản, cảnh quan, hệ sinh thái và quốc phòng, an ninh. Hệ thống đô thị được tổ chức theo chuỗi đô thị ven biển, cụm đô thị cửa khẩu, đô thị công nghiệp - dịch vụ - logistics và đô thị biển đảo;

gắn với các hành lang kinh tế ven biển, hành lang Đông - Tây, hệ thống cảng biển, sân bay, cửa khẩu quốc tế và các khu kinh tế động lực của tỉnh. Phát triển đô thị thông minh, đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD) gắn với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và áp dụng các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox).

b) Phương hướng tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn: Khu vực nông thôn được tổ chức thành 05 vùng (Vùng nông thôn miền núi phía Bắc và biên giới; Vùng nông thôn ven đô phía Tây; Vùng nông thôn ven biển và hải đảo; Vùng nông thôn trung tâm phía Đông; Vùng nông thôn sinh thái và bảo tồn). Phát triển khu vực nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, giàu bản sắc, gắn kết chặt chẽ với quá trình đô thị hóa, phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch và kinh tế biển; xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật - xã hội, nâng cao chất lượng sống của người dân, bảo đảm tiếp cận bình đẳng các dịch vụ thiết yếu giữa đô thị và nông thôn. Khu vực nông thôn đồng thời giữ vai trò không gian sinh thái, vùng đệm môi trường, vùng dự trữ phát triển và không gian bảo tồn văn hóa cộng đồng, đặc biệt tại các khu vực miền núi, biên giới, ven biển và hải đảo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

a) Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ và phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của số liệu, hồ sơ và các nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

b) Thường trực, các Ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XV, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Trịnh Thị Minh Thanh